

Bản án số: 449/2021/HS-ST

Ngày: 12 - 11 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.
2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 376/2021/HSST ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 548/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh H, sinh năm: 1974, tại Yên Bái; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Nguyễn Minh Đ (©) và bà Mác Thị L, sinh năm 1950; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 03 anh em; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Năm 1997, Tòa án tối cao tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” và “Trộm cắp tài sản của công dân”, theo Bản án số 03 ngày 06/01/1997;

- Ngày 22/02/2004, phạm tội “Dâm ô đối với trẻ em” sau đó bỏ trốn, bị truy nã. Ngày 06/6/2007, Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định xử phạt 04 năm tù về tội “Dâm ô đối với trẻ em” và “Trốn khỏi nơi giam giữ”, theo Bản án số 19 ngày 06/6/2007. Tổng hợp với hình phạt tại Bản án số 144 ngày 17/02/2006

của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, buộc chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 21 năm 10 tháng 20 ngày tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2019.

Nhân thân:

- Năm 1993, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, theo Bản án số 315 ngày 27/8/1993;

- Năm 2004, Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án số 125 ngày 17/12/2004;

- Năm 2006, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 08 năm tù tại Bản án số 125 ngày 17/12/2004 của Tòa án nhân dân thị xã Lào Cai, tỉnh Lào Cai, buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 18 năm tù, theo Bản án số 144 ngày 17/02/2006.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/10/2020 đến nay, xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đường X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 04/10/2020, Nguyễn Minh H điều khiển xe mô tô biển số 59P1-295.16 đến tháp * chung cư T, Khu phố *, phường M, Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức) để thăm người quen. Khi H đi vào sảnh A2 thì có va chạm với một phụ nữ (không rõ là ai) mặc đồng phục nhân viên vệ sinh của chung cư và bị người này chửi. H không nói gì rồi bỏ đi, trên đường đi H bực tức nên đi vào cầu thang bộ của tháp A2 thì gặp chị La Thị L1, có mặc trang phục giống người phụ nữ khi va chạm với H, H hỏi thăm thì chị L chỉ H đi lên lầu trên. Khi đi đến cầu thang bộ giữa lầu 6 và lầu 7 thì H gặp chị Hoàng Thị H đang dọn vệ sinh tại đây nên H đi theo nói chuyện với Chị H. Đến cầu thang bộ lầu 7 thì Chị H đang quay lưng lau cửa kính thì H đứng ở phía sau, bất ngờ dùng hai tay bóp cổ Chị H rồi đe dọa “Tao giết mày”, Chị H vùng vẫy thì H và Chị H ngã xuống cầu thang gần lầu 6, lúc này Chị H van xin thì H dùng tay phải bóp cổ Chị H còn tay trái giật đứt sợi dây chuyền trên cổ Chị H, đồng thời đe dọa “Còn bao nhiêu tiền đưa cho tao”, hoảng sợ Chị H lấy số tiền 400.000 đồng từ trong túi quần bên phải ra đưa

cho H rồi H theo lối cầu thang bộ đi ra ngoài lấy xe tải thoát, đi về nhà trọ không số, Khu phố *, phường M, cất giấu sợi dây chuyền, số tiền chiếm đoạt được thì H tiêu xài còn lại 350.000 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, Chị H báo cho quây lễ tân của chung cư biết sự việc, sau đó đến ngày 08/10/2020 Chị H đến Công an phường An Phú để trình báo sự việc.

Qua truy xét, ngày 09/10/2020, Tổ đặc nhiệm Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận 2 phát hiện H có đặc điểm nghi vấn nên đưa H về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H khai nhận toàn bộ hành vi cướp tài sản của Chị H tại chung cư T vào ngày 04/10/2020 như đã nêu ở trên.

Khám xét chỗ trọ của H tại nhà trọ không số, Khu phố *, phường M, thu giữ sợi dây chuyền mà H đã chiếm đoạt của Chị H.

Kết luận định giá tài sản số 282 ngày 30/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND Quận 2 kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng (18k) dài 47,5cm, trọng lượng 02 chỉ 01 phân có trị giá 5.985.000 đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản mà H đã chiếm đoạt của Chị H là 6.385.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 sợi dây chuyền màu vàng, dài 47,5cm và số tiền 350.000 đồng là các tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Chị H.

- 01 xe mô tô biển số 59P1-295.16, qua xác minh do chị Lê Thị Kiều O, ngụ quận Tân Bình đứng tên chủ sở hữu, chị O đã bán lại xe trên nên từ chối mọi quyền lợi liên quan đến xe, bà Mác Thị L là mẹ của H mua lại xe trên và cho H mượn để làm phương tiện đi làm bảo vệ, Bà L không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho Bà L.

- 01 đĩa DVD (lưu kèm hồ sơ vụ án).

- Đối với một số tài vật tạm giữ của H, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Bà L theo ủy quyền của H.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số: 200/CT-VKSTPTĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Minh H về tội “Cướp tài sản” theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt nên không tranh luận, không nói lời sau cùng. Bị hại cũng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cam kết không khiếu nại gì về việc xét xử vắng mặt. Xét đơn xin vắng mặt của bị cáo là hợp lệ và việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo. Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì nên cũng vắng mặt.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, hình ảnh camera, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ ngày 04/10/2020, tại cầu thang bộ lầu * và lầu * tháp *, chung cư T, Khu phố M, phường N, Quận O (nay là thành phố Thủ Đức), Nguyễn Minh H đã có hành vi dùng vũ lực để cướp 01 sợi dây chuyền và 400.000 đồng của chị Hoàng Thị H, tổng trị giá tài sản mà H đã chiếm đoạt là 6.385.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi dùng vũ lực tấn công người khác để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng lười

lao động, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi như đã nêu trên. Hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 168 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị kết án với các tội danh như: “Dâm ô đối với trẻ em”, “Cướp tài sản”, “Trộm cắp tài sản”, “Trốn khỏi nơi giam giữ”... và đã có thời gian chấp hành án phạt tù khá dài nhưng vẫn không thay đổi, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Cướp tài sản”. Bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng lại nghiện ma túy, có thái độ coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng bản thân nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 sợi dây chuyền màu vàng, dài 47,5cm và số tiền 350.000 đồng là các tài sản hợp pháp của chị Hoàng Thị H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho Chị H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 59P1-295.16 do bà Mác Thị L là mẹ của H mua lại và cho H mượn để làm phương tiện đi làm, Bà L không biết H sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả xe cho Bà L là có căn cứ.

- Đối với một số tài vật tạm giữ của H, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Bà L theo ủy quyền của H là có căn cứ.

- Đối với 01 đĩa DVD là dữ liệu hình ảnh chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh H** phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh H**: 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc